

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VŨNG LIÊM  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/HS-ST

Ngày: 25 - 01 - 2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM, TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa* Bà **Nguyễn Thị Thanh Tuyên**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà **Trần Thị Thu Hà**

**Ông Huỳnh Văn Hồng**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Ngọc Linh**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm tham gia phiên tòa:**  
**Ông: Nguyễn Ngọc Lương**, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 79/2021/TLST- HS, ngày 22 tháng 12 năm 2021; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST- HS ngày 07 tháng 01 năm 2022, đối với bị cáo:

**Lê Minh T**, sinh năm 1976; giới tính: Nam; nơi cư trú: ấp P, xã H, huyện C, tỉnh Hậu Giang; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; con ông Lê V, sinh năm 1958 và bà Bùi L, sinh năm 1959. Anh chị em ruột có 03 (ba) người, lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 1988. Vợ tên Mai H, sinh năm 1974. Tiền sự: Không; Tiền án: Không.

Ngày 13/11/2021 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vũng Liêm giữ người trong trường hợp khẩn cấp.

Ngày 16/11/2021 bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vũng Liêm ra Quyết định khởi tố và ra lệnh tạm giam kể từ ngày 16/11/2021 cho đến nay.

*Người bị hại:* Ông **Trần N** – sinh năm: 1966 Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* **Nguyễn U**, sinh năm: 1976 ( Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt ngày 14/01/2022).  
Địa chỉ: ấp T, thị trấn B, huyện Ph, tỉnh Hậu Giang.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 04/11/2021, anh Lê A, sinh năm 1973, cư trú; ấp Quang Hòa, xã Quới An, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long, đang nuôi vịt chạy đồng nhốt trên bờ kênh “Mỹ Đào” thuộc ấp B, xã T, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long, có thuê Lê Minh Th để chăn vịt.

Khoảng 09 giờ ngày 09/11/2021, ông Trần N, sinh năm 1966, nơi cư trú; ấp B, xã T, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long, điều khiển xe mô tô biển số 64D1 - 00136 đi tìm anh Nguyễn C (Phúc) sinh năm 1971, nơi cư trú: ấp Đ, xã T, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long, đang nuôi vịt chạy đồng nhốt gần chòi Vịt anh A, để kêu bán ruộng vừa mới cắt xong cho Vịt ăn. Không gặp được anh C, ông N tìm chòi vịt của anh A thì gặp T đang nhậu một mình nên ông N vào nhậu chung. Đến khoảng 11 giờ thì nghỉ nhậu, ông N điều khiển xe mô tô biển số 64D1- 00136 chở T cùng đi đến nhà bạn nhậu tiếp. Đến 13 giờ, ông N chở T về nhà của ông nhậu tiếp. Khi về đến nhà, ông N dựng xe mô tô phía trước cặp hành lang nhà, tắt máy xe không rút chìa khóa. Ông N vào nhà làm nước cho T uống, sau đó đi ra phía sau nhà để cho bò ăn. Khi ông N vừa đi khỏi, T nhìn thấy xe mô tô biển số 64D1- 00136 của ông N còn ghim chìa khóa trong ổ khóa, nên lấy xe mô tô điều khiển về chòi vịt để thăm vịt rồi quay lại nhậu. Khi về đến chòi vịt thì T nảy sinh ý định lấy xe mô tô của ông N làm phương tiện về huyện P, tỉnh H để tìm vợ, con đã bỏ nhà đi trước đó khoảng 14 tháng mà T đã tìm kiếm nhiều lần mà chưa gặp. Ngay sau khi có ý định trên, T liền điều khiển xe mô tô của ông N đi một mình về huyện P, tỉnh H để tìm vợ con.

Sau khi ông N cho bò ăn xong quay vào nhà không nhìn thấy T và xe đâu, ông nghĩ là T đã lấy xe chạy về chòi vịt nên ông đi bộ đến chòi vịt của A tìm, nhưng không gặp T. Ông N ở lại chòi vịt của anh Việt chờ đến khoảng 17 giờ cùng ngày, nhưng cũng không thấy T quay lại, nên ông đến Công An xã T trình báo sự việc đã bị T lấy trộm xe mô tô biển số kiểm soát 64D1 – 00136 và

bên trong cốp xe có số tiền 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng) ông vừa mới bán lúa, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe, 01 giấy phép lái xe, 01 giấy bảo hiểm xe. Công an xã T lập biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm, điều tra xác minh và báo chuyển đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Vũng Liêm thụ lý điều tra xác minh giải quyết theo thẩm quyền.

Trên đường T điều khiển xe mô tô lấy trộm được chạy về đến địa phận của huyện P, tỉnh H xe bị hết xăng, T ghé vào cây xăng mở yên xe lên để đổ xăng thì nhìn thấy bên trong cốp xe có bọc nilông T mở bọc nilông ra xem có số tiền 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng) gồm có 02 tờ tiền mệnh giá 500.000đ (Năm trăm đồng) và còn lại là tiền mệnh giá 200.000đ, (Hai trăm nghìn), 01 giấy chứng nhận đăng ký xe, 01 giấy phép lái xe, 01 giấy bảo hiểm xe. Sau khi đổ xăng Nguyễn T tiếp tục điều khiển xe đến huyện M, tỉnh Sóc Trăng và huyện P, tỉnh H để tìm vợ con nhưng không gặp, sau đó T ghé vào quán nhậu ven đường để nhậu và trả tiền nhậu hết số tiền trong cốp xe của ông N.

Đến ngày 11/11/2021, T hết tiền tiêu sài nên đem chiếc xe mô tô của ông N đến tiệm cầm đồ biển hiệu “Hiền Loan” do anh Trần H sinh 1991, địa chỉ: ấp T, thị trấn B, huyện P tỉnh H làm chủ để cầm xe của ông N, T nói dối xưng tên với anh H mình tên Trần N đã bị mất hết giấy tờ tùy thân, anh H nghe và tin là thật, đồng ý cầm xe với số tiền là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Ngày 12/11/2021 T tiêu sài hết số tiền đã cầm xe và đến tiệm cầm đồ gặp anh H lấy thêm 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) tiếp tục nhậu hết. Sáng ngày 13/11/2021, T gặp anh Nguyễn U sinh năm 1976, nơi cư trú ấp T, thị trấn B, huyện P, tỉnh H, làm nghề chạy xe ôm đang đậu chờ khách ở khu vực chợ B, T kêu anh U bán xe mô tô đang cầm ở tiệm cầm đồ, T dẫn anh U đến tiệm cầm xe và thỏa thuận giá bán là 6.000.000 đ (Sáu triệu đồng). Anh U đã thế xe mô tô đang sử dụng cho tiệm cầm đồ “Hiền Loan” để lấy xe mô tô biển số 64D1- 00136 ra làm giấy tờ mua bán với T và anh U đưa tiền bù mua xe cho T số tiền 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) số tiền còn lại anh U giữ để trả tiền lãi cầm xe. Sự việc T bán xe cho anh U có làm giấy tờ mua bán, nhưng do việc mua bán xe không chính chủ nên bị phát hiện nghi là xe gian được báo đến Công An thị trấn B, Công an thị trấn B lập biên bản và mời T làm việc, ghi lời khai, T khai nhận mượn xe của ông N về quê hết tiền tiêu xài nên cầm, bán xe của ông N. Công an thị trấn B lập hồ sơ và thông báo Cơ quan CSĐT Công an huyện Vũng Liêm biết phối hợp xác minh làm rõ.

Kết quả phối hợp điều tra xác minh có đủ cơ sở xác định Lê Minh T đã thực hiện hành vi lấy trộm xe mô tô biển số 64D1 – 001.36 của ông Nhứt bên trong cốp xe có số tiền 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng) và các giấy tờ như đã nêu. Tránh việc T bỏ trốn nên Công an huyện Vũng Liêm ra Lệnh bắt giữ

người trong trường hợp khẩn cấp đối với Lê Minh T phục vụ công tác điều tra.

Theo kết luận định giá tài sản số 46/KL-HĐĐGTS ngày 15/11/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Vũng Liêm kết luận: xe mô tô biển số kiểm soát 64D1 – 001. 36 tại thời điểm có giá trị thành tiền là 8.220.000 đồng. (Tám triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng).

Trong quá trình điều tra, bị cáo Lê Minh T đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội.

Đối với anh Trần H chủ tiệm cầm đồ “Hiền Loan” đã cầm xe mô tô biển số 64 D1 – 00136 không biết là xe do T trộm cắp có được nên không có căn cứ xử lý.

Đối với anh Nguyễn U là người mua xe mô tô 64D1 – 00136 không biết là xe do T trộm cắp nên không có căn cứ xử lý .

Về xử lý vật chứng : Ngày 22/11/2021 Cơ quan cảnh sát điều tra Công An huyện Vũng Liêm đã trả cho ông Trần N nhận lại tài sản gồm: 01 xe mô tô biển số 64 D1 – 00136; 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 64 D1 – 00136 tên Trần N; 01 bằng lái xe cơ giới và 01 giấy chứng nhận bảo hiểm xe.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại Trần N yêu cầu Lê Minh T trả lại số tiền 12.000.000 đồng, mà T đã lấy trộm, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Nguyễn Văn Út yêu cầu Lê Minh T trả lại số tiền 5.800.000 đồng đây là số tiền U mua xe mô tô biển số 64 D1 – 00136 ( gồm tiền chuộc xe 5.300.000 đồng; Út đưa T 500.000 đồng). Ngoài ra anh U không yêu cầu gì khác.

Cáo trạng số: 03/CT-VKSHVL ngày 21/12/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm đã truy tố Lê Minh T về tội: Trộm cắp tài sản; theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố đối với Lê Vĩnh T, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, Điều 173; điểm i, s khoản 1, Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự tuyên phạt bị cáo Lê Minh T mức án tù 01 (Một) năm đến 01( một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

*Về hình phạt bổ sung:* Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo

*Về vật chứng:* Cơ quan điều tra Công an huyện Vũng Liêm đã trả lại tài sản mất trộm là 01 chiếc xe mô tô biển số 64 D1 – 00136, 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 64 D1 – 00136 tên Trần N; 01 bằng lái xe cơ giới và 01 giấy chứng nhận bảo hiểm xe. cho người bị hại ông Trần N là đúng quy định.

*Về trách nhiệm dân sự:* Căn cứ Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự

Buộc bị cáo Lê Minh T có trách nhiệm trả cho bị hại ông Trần N số tiền 12.000.000 đồng.( Mười hai triệu đồng).

Buộc bị cáo Lê Minh Thuận trả cho anh Nguyễn U số tiền là 5.800.000 đồng.( Năm triệu tám trăm nghìn đồng).

*Về án phí hình sự, dân sự sơ thẩm:* Buộc bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Thừa nhận hành vi phạm tội, xin được giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Lê Minh T đã thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo đúng như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án; Bị cáo xác định không khiêu nại đối với quá trình tiến hành tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, của điều tra viên, kiểm sát viên và lời khai của bị cáo là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung hay dùng nhục hình. Do đó, hành vi và các chứng cứ, tài liệu của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Qua lời khai của bị cáo đã thể hiện: Vào khoảng 13 giờ ngày 09/11/2021, bị cáo Lê Minh T đã thực hiện hành vi trộm một xe mô tô hiệu biển số 64D1- 00136, có giá trị là 8.220.000 đồng, và số tiền 12.000.000 đồng để trong cốp xe của anh Trần N, Tổng tài sản bị cáo trộm có giá trị 20.220.000 đồng.

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác một cách trái pháp luật được pháp luật Hình sự quy định và bảo vệ. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi trực tiếp.

Hành vi của bị cáo gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, gây mất an ninh trật tự tại địa phương, chỉ vì động cơ tư lợi cá nhân mà lại chiếm đoạt tài sản của người khác nên cần phải xử lý nghiêm khắc để răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

[4]Tuy nhiên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử có xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như sau:

*Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* không có

*Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự :* Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án tiền sự, được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[6] *Về xử lý vật chứng*: Việc cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vũng Liêm đã trả lại cho người bị hại ông Trần N tài sản bị mất trộm là xe mô tô biển số 64 D1- 00136 là có căn cứ đúng pháp luật. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại ông Trần N yêu cầu bị cáo trả lại tài sản đã lấy trộm là số tiền 12.000.000 đồng, bị cáo Lê Minh T cũng đồng ý thống nhất trả lại cho người bị hại số tiền là 12.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Tại phiên Tòa hôm nay, anh Nguyễn U xin vắng mặt, nhưng trong đơn xin vắng mặt anh U có yêu cầu bị cáo Lê Minh T trả lại số tiền là 5.800.000 đồng, bị cáo Lê Minh T cũng thống nhất trả lại cho anh Nguyễn U số tiền là 5.800.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt dành cho bị cáo là có căn cứ và đúng pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố bị cáo Lê Minh T phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào khoản 1, khoản 5, Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017)

*Xử phạt*: Bị cáo Lê Minh T : 01 (một) năm 06 ( sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 13/11/2021.

2. Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo

3. Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra Công an huyện Vũng Liêm đã giải quyết xong nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự

Buộc bị cáo Lê Minh T có trách nhiệm trả cho người bị hại ông Trần N số tiền 12.000.000 đồng.( Mười hai triệu đồng).

Buộc bị cáo Lê Minh Thuận trả cho anh Nguyễn U số tiền là 5.800.000 đồng (Năm triệu tám trăm nghìn đồng).

5. *Về án phí*: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Lê Minh T nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Lê Minh T nộp 890.000 đồng (tám trăm chín mươi nghìn) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

**6. Về quyền kháng cáo:** Căn cứ Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, bị hại, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ sau ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh Nguyễn Văn Út vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại địa phương để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm./.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- CQĐT Công an huyện Vũng Liêm;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Sở tư pháp;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thanh Tuyền**